



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2009

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2009

Báo cáo thường niên được lập theo quy định tại Mẫu Báo cáo Thường niên ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 14/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán. Nội dung cơ bản bao gồm:

- Tóm lược lịch sử hoạt động của công ty;
- Báo cáo của Hội đồng Quản trị;
- Báo cáo của Ban giám đốc;
- Báo cáo tài chính;
- Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán;
- Các công ty con và công ty liên quan;
- Tổ chức và nhân sự của công ty;
- Thông tin cổ đông/ thành viên góp vốn và quản trị công ty;
- Các thông tin khác.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2009

Tên tổ chức niên yết : CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS
Năm báo cáo : Năm 2009

I. Tóm lược về công ty, mục tiêu và chiến lược phát triển

1. Tóm lược về công ty:

- Việc thành lập và chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:

Công ty cổ phần MT Gas được thành lập từ việc chuyển đổi lên cổ phần từ Công ty TNHH MT Gas được thành lập năm 2001. Chính thức chuyển thành Công ty cổ phần MT Gas (MTGas) vào tháng 02/2007. Giấy phép đăng ký kinh doanh số 1100480979 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 12/02/2007 với vốn điều lệ ban đầu là: 50 tỷ đồng. Tính đến 31/12/2009 đã qua 04 lần đăng ký thay đổi, đến nay vốn điều lệ của MTGas đã được nâng lên 80 tỷ đồng. MTGas hiện nay gồm hoạt động theo mô hình Công ty công ty cổ phần.

Địa chỉ : Lô 1, Ấp Thuận Đạo, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, T. Long An

Điện thoại : (84-72) 3634713 – 3634714 - Fax : (84-72) 3634713

Email : info@mtgas.com.vn - Website: www.mtgas.com.vn

Chi nhánh Công ty cổ phần MT Gas

Địa chỉ : 707-708, lầu 7, tòa nhà Petrovietnam, 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại : (84-8) 39105987 – 39105980 - Fax : (84-8) 39105988

- Niêm yết:

Công ty cổ phần MT Gas là thành viên thứ 176 niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh vào ngày 15/01/2009.

Quyết định số 132/QĐ-SGDHCM về việc “chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu” của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh ngày 31/12/2008.

Vốn điều lệ đăng ký : 80.000.000.000 đồng

Số lượng chứng khoán đã phát hành : 8.000.000 cổ phiếu

Trong đó:

+ Cổ phiếu phổ thông : 3.000.000 cổ phiếu

+ Cổ phiếu cổ đông sáng lập : 5.000.000 cổ phiếu

Mã chứng khoán : MTG

- Ngành nghề kinh doanh:

Giấy phép đăng ký kinh doanh số 1100480979 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp thay đổi lần 04 tính đến ngày 31/12/2009. Các lĩnh vực hoạt động chính của MT Gas gồm:

- Kinh doanh chiết nạp khí hóa lỏng (LPG), xăng, dầu, dầu mỡ nhờn. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường sông. Kinh doanh cảng biển, cảng sông.
- Mua bán: vật tư, thiết bị máy móc công nghiệp, sản phẩm cơ khí, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh).
- Cho thuê kho bãi; nhận quyền sử dụng đất để xây dựng nhà cho thuê.
- Xây dựng: cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, dân dụng, công nghiệp; thi công cầu đường; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch xây dựng nhà ở để chuyển quyền sử dụng đất; san lấp mặt bằng.
- Mua bán: vật liệu xây dựng, trang trí nội – ngoại thất.

2. Mục tiêu và chiến lược phát triển.

- Mục tiêu:

Xây dựng thương hiệu mạnh về kinh doanh năng lượng dầu mỏ, khí đốt hóa lỏng và bất động sản tại thị trường Việt Nam và các nước khu vực Châu Á.

- Chiến lược phát triển:

Phát triển vững chắc mảng kinh doanh khí đốt tại thị trường Việt Nam về cung cấp gas dùng trong công nghiệp và gas dân dụng với thương hiệu **MTGAS**.

Đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển các bất động sản và khu công nghiệp chiến lược trong tương lai.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị

Hoạt động của HĐQT Công ty trong năm 2009, chủ yếu thực hiện Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2009 với các hoạt động cụ thể như sau:

- Tiến hành họp 04 phiên họp định kỳ của HĐQT theo quy định và các phiên họp khẩn cấp để giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Phân công các thành viên Hội đồng quản trị phụ trách từng mảng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Xác định mục tiêu kinh doanh theo chiến lược và Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2009. Chỉ đạo Ban giám đốc và cán bộ công nhân viên thực hiện các mục tiêu kinh doanh, đối phó kịp thời với các biến động bất lợi, tận dụng các cơ hội để giảm thiểu rủi ro đạt hiệu quả cao.
- Ban hành các cơ chế quản trị cho toàn công ty để HĐQT có thể kiểm soát và luôn nắm bắt kịp thời tình hình của Công ty. Thực hiện các quy định của Công ty theo

quy chế niêm yết. Nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đồng, tiết kiệm chi phí hoạt động, hạn chế rủi ro trong kinh doanh, tối đa hóa lợi nhuận cho công ty và cho nhà đầu tư.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Kết quả kinh doanh Công ty cổ phần MT Gas năm 2009 đã được kiểm toán:

- Doanh thu thuần thực hiện năm 2009 là: 192,114 tỷ đồng, đạt 123,94% kế hoạch và bằng 144,30% so với năm 2008 là 133,133 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2009 : 11,833 tỷ đồng đạt 87,65% so kế hoạch
- Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2009 : 9,454 tỷ đồng (trong đó chưa bao gồm lợi nhuận hoãn lại 2,378 tỷ đồng). Sau khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp dự kiến MT Gas sẽ được hoàn nhập khoảng 80% khoản lợi nhuận hoãn lại trên.
- Lãi/lỗ cơ bản trên cổ phiếu : 1.181 đồng.

Trong năm công ty xác định được mục tiêu, chiến lược và kế hoạch của năm, điều hành trực tiếp hoạt động sản xuất kinh doanh,

a) Hoạt động kinh doanh LPG: LPG là hoạt động kinh doanh chính của Công ty cổ phần MT Gas. Vì đây là sản phẩm thiết yếu trong tiêu dùng và là nguyên nhiên liệu cho một số ngành sản xuất công nghiệp. Bên cạnh đó gas là nguyên nhiên liệu sạch và thân thiện với môi trường. Chính vì thế nên nhu cầu sử dụng gas luôn luôn ổn định hơn một số ngành nghề khác.

Do khả năng phục hồi của nền kinh tế toàn cầu sau khi nền kinh tế khủng hoảng nên năm 2009 nguồn tiêu thụ LPG trong nước tăng so với năm 2008.

b) Thị phần của Công ty:

Giữ vững và phát triển thị phần gas công nghiệp. Bên cạnh phát triển thị trường gas dân dụng để đẩy mạnh sản lượng gas dân dụng nhằm tối đa hoá lợi nhuận. Trong vòng 06 tháng năm 2009, gas dân dụng thương hiệu MT Gas đã phát triển rộng khắp hệ thống phân phối tại Tp. Hồ Chí Minh, các tỉnh Miền Đông và Miền Tây. Từng bước tạo dựng thương hiệu MT Gas trên thị trường gas dân dụng. Đó là điều kiện để có thể khẳng định sự thành công trong lịch vực kinh doanh gas dân dụng của Công ty bên cạnh giữ vững thị trường gas công nghiệp.

c) Đầu tư dự án:

- Dự án Phước Đông: MT Gas cùng các đối tác tham gia đã thành lập Công ty cổ phần bất động sản Phước Đông để trực tiếp triển khai dự án. Hiện nay, dự án khu

Công nghiệp Phước Đông đã triển khai xong việc tái định cư cho các hộ dân trong khu vực giải tỏa. Bên cạnh đó tiến hành nhanh chóng san lấp và xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Dự án Tân Tập: MT Gas, Marubeny và PVGas South đã và đang triển khai dự án xây dựng kho lạnh chứa LPG. Đây là dự án an ninh năng lượng lớn về khả năng tồn trữ khí đốt hóa lỏng tại Việt Nam và các nước Đông Dương.

- Dự án Thăng Long Tower (Hà Nội): MT Gas và các đối tác đang nhanh chóng hoàn thiện các thủ tục để đưa dự án vào triển khai trong năm 2010. Dự kiến sau khi hoàn thành đây là một trong những vị trí trung tâm thương mại và cho thuê văn phòng lớn tại thủ đô Hà Nội.

- Dự án tòa nhà SCETPA (19A Cộng Hòa): trong năm đã thu hồi vốn góp tại liên doanh chiếm 17% tổng vốn góp vì hiệu quả sử dụng vốn không hiệu quả.

d) Tài chính của Công ty.

Tình hình tài chính của Công ty đã khắc phục được những khó khăn của năm 2008 và chủ động được nguồn vốn trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Phân chia nguồn vốn để đầu tư vào lĩnh vực gas dân dụng, đầu tư vỏ bình gas và huy động các nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng để tài trợ cho các dự án. Bên cạnh đó, một số chứng khoán công ty nắm giữ gia tăng giá trị trở lại nên Công ty đã tắt toán một số cổ phiếu để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

e) Tổ chức nhân sự.

Công ty dần tiến hành lựa chọn thực hiện được kế hoạch tổ chức sắp xếp nhân sự toàn công ty. Đội ngũ nhân sự dần được thay thế bởi những các bộ trẻ có năng lực để thực hiện các mục tiêu chiến lược lâu dài của Công ty. Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty tăng so với năm 2008.

Tổ chức các hoạt động giao lưu đoàn thể giữa các phòng ban trong Công ty cũng như với các doanh nghiệp kinh doanh cùng ngành.

f) Định hướng kinh doanh năm 2010 đến 2015

Phát triển, đầu tư gas dân dụng là hoạt động chính trong hoạt động kinh doanh gas của Công ty trong thời gian sắp tới. Bên cạnh giữ vững và tăng trưởng lĩnh vực gas Công nghiệp khai thác triệt để hệ thống kho chứa LPG của công ty. Xây dựng nâng cấp sức chứa của kho LPG tại Bến Lức, Long An và phát triển hệ thống phân phối từ Miền Trung trở vào.

Bên cạnh bổ sung các nhân sự chủ chốt đủ năng lực đảm nhiệm trọng trách phát triển mục tiêu kinh doanh của Công ty.

Thực hiện liên doanh liên kết với các đối tác để kinh doanh lĩnh vực xăng dầu với mục tiêu trở thành đơn vị nhập khẩu và phân phối xăng dầu lớn tại Việt Nam.

Đẩy nhanh và rút ngắn thời gian thực hiện các giai đoạn của các dự án MT Gas đang tham gia như KCN Phước Đông, Tân Tập và Thăng Long Tower Hà Nội.

h) Thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát.

Căn cứ nghị quyết số 139/NQ-ĐHCD-MTGas ngày 25/04/2009, Công ty sẽ tiến hành chi trả thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát năm 2009 như sau:

- Hội đồng quản trị	:	276.000.000.000 đồng.
- Ban kiểm soát	:	48.000.000.000 đồng.
Tổng cộng	:	324.000.000.000 đồng.

III. BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2009 là năm được dự báo sẽ gặp nhiều khó khăn nhưng với sự điều chỉnh kịp thời của Nhà nước với các chính sách kinh tế vĩ mô như kích cầu hỗ trợ lãi suất cho vay, cùng với sự nỗ lực của HĐQT, BGD và cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần MT Gas đã vượt qua khó khăn và dám nghĩ dám làm để đẩy mạnh sản xuất kinh doanh và nâng cao giá trị thương hiệu MT Gas trong lĩnh vực kinh doanh khí đốt tại thị trường Việt Nam hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm.

TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SX-KD NĂM 2009

Để thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch năm được Hội đồng quản trị Công ty giao, Công ty đã có được những yếu tố thuận lợi sau:

- Nền tảng về cơ sở vật chất, tri thức và kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh khí đốt.
- Định hướng phát triển đúng trong việc phân phối nguyên liệu khí đốt tại thị trường phía Nam.
- Sự đoàn kết, nhất trí về nhiệm vụ chung trong nội bộ Công ty.

Thách thức, khó khăn:

- Tác động chính sách 107/2009/NĐ-CP về việc “Kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng” trong giai đoạn đầu MTGas mới tham gia thị trường phân phối gas dân dụng và sự biến động tỷ giá ngoại tệ ảnh hưởng lớn đến chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Sự cạnh tranh gay gắt của các đối thủ cùng ngành kinh doanh khí đốt.
- Nạn sang chiết gas lậu trên thị trường ngày càng gia tăng về số lượng.
- Những khó khăn về thủ tục hành chính và biến động trong giá nguyên vật liệu đầu vào làm chậm tiến độ và tăng chi phí trong công tác đầu tư xây dựng các dự án khu công nghiệp của Công ty.

Năm 2009, Công ty cổ phần MT Gas vượt qua khó khăn để hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh được giao.

Sau đây là kết quả sản xuất kinh doanh thể hiện qua các chỉ tiêu trong Bảng sau đây:

Tóm tắt Báo cáo tài chính năm 2009 (Báo cáo đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT 2009

Mẫu CBTT-03

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TỐN

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Stt	Nội dung	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	109.678.635	73.143.031
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.335.60	1.187.777
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	448.170	22.184.385
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	92.949.315	42.533.197
4	Hàng tồn kho	6.363.686	1.297.338
5	Tài sản ngắn hạn khác	6.581.856	5.940.334
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	99.453.906	109.684.924
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
2	Tài sản cố định	42.577.664	43.397.415
	- Tài sản cố định hữu hình	42.392.669	43.192.724
	- Tài sản cố định vô hình	24.619	44.316
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	160.375	160.375
3	Bất động sản đầu tư	6.274.303	6.847.995
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	27.410.521	46.330.522
5	Tài sản dài hạn khác	23.191.416	13.108.992
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	209.132.541	182.827.954
IV	NỢ PHẢI TRẢ	61.598.413	44.748.398
1	Nợ ngắn hạn	54.483.064	38.958.883
2	Nợ dài hạn	7.115.349	5.789.515
V	VỐN CHỦ SỞ HỮU	147.534.128	138.079.555
1	Vốn chủ sở hữu	147.473.964	138.019.392
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80.000.000	80.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	61.474.997	61.474.997
	- Quỹ đầu tư phát triển	795.981	795.981
	- Quỹ dự phòng tài chính	1.193.972	1.193.972
	- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	530.654	530.654
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.478.361	(5.976.212)
2	Nguồn kinh phí, quỹ khác	60.164	60.164
	- Quỹ khen thưởng và phúc lợi	60.164	60.164
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	209.132.541	182.827.954

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

St t	NỘI DUNG	Năm 2009	Năm 2008
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	192.114.172	133.133.912
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	194.684	104.916
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cc dịch vụ	191.919.488	133.028.997
4	Giá vốn hàng bán	178.832.870	126.437.045
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cc dịch vụ	13.086.617	6.591.952
6	Doanh thu hoạt động tài chính	7.266.187	5.931.722
7	Chi phí tài chính	290.255	19.278.121
8	- Trong đó: Chi phí lãi vay	853.832	513.781
9	Chi phí bán hàng	1.621.902	1.884.477
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.569.156	6.364.165
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	11.871.489	(15.543.089)
12	Thu nhập khác	5.888.025	20.740
13	Chi phí khác	5.926.147	4.697.923
14	Lợi nhuận khác	(38.121)	(4.677.183)
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.833.368	(20.220.272)
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện tại		
17	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	2.378.795	(4.644.060)
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.454.572	(15.576.212)
19	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	1.181	(1,95)

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Stt	CHỈ TIÊU	Đvt	Năm 2009	Năm 2008
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		47,56	59,99
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		52,44	40,01
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		29,45	24,47
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		70,55	75,53
3	Khả năng thanh toán	Lần		
	- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn		2.01	1,88
	- Khả năng thanh toán nhanh		0.06	0,03
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần.		4.93	N/A
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		4.52	N/A
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		6.41	N/A


3.1 Kết quả hoạt động cụ thể:

3.1.1 Hoạt động sản xuất tại nhà máy LPG, Bến Lức – Long An:

- Hoàn thành kế hoạch sản xuất tại Nhà máy về chiết nạp sản phẩm và quản lý vận hành kho an toàn và hiệu quả.
- Tổ chức huấn luyện học tập và diễn tập thực tế về PCCC tại Nhà máy.
- Thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra vệ sinh an toàn lao động tại Nhà máy để cô đọng cho chương trình ATVSLĐ của Nhà nước.

3.1.2 Hoạt động kinh doanh, phân phối sản phẩm:

- ***Kinh doanh gas dân dụng***

- Tháng 06/2009, thương hiệu gas dân dụng  tham gia phân phối mạnh tại thị trường Long An, Tiền Giang và đặc biệt là thị trường Tp. HCM. Bước đầu thương hiệu MT Gas đã được thị trường chấp nhận, có uy tín tại các khu vực phân phối và tạo tiếng vang cho thương hiệu MT Gas trong lĩnh vực kinh doanh gas dân dụng.
- Đầu tư đội ngũ xe bán hàng của Công ty tại khu vực Long An và Tp.HCM
- Trong năm 2009, kinh doanh gas dân dụng hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- ***Kinh doanh nhập khẩu LPG***

- Thực hiện ký kết hợp đồng mua LPG của các Công ty trực thuộc Tập đoàn dầu khí quốc gia Việt Nam và các nhà cung cấp nước ngoài. Hiện nay sản lượng kinh doanh gas công nghiệp đạt gần 5.000 tấn/tháng với thị phần từ Trung Bộ đến Tây Nam Bộ.

3.1.3 Công tác Tài chính kế toán:

- Hoàn thành tất toán một số lượng cổ phiếu công ty nắm giữ như DPM, HNM, NBC...
- Việc tổ chức huy động vốn từ nhiều kênh khác nhau đã tạo cho nguồn lực tài chính của Công ty tốt hơn so với năm trước.
- Tổ chức tốt hoạt động kế toán theo chuẩn mực quy định, phản ánh đầy đủ, trung thực và đáp ứng yêu cầu các hoạt động kinh doanh của Công ty.

3.1.4 Đầu tư dự án:

- **Dự án S'CETPA (19A-Cộng Hòa)**

Theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2009 và quyết định của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đã làm việc với Công ty Thái Sơn để xin được rút vốn ra khỏi dự án S'CETPA. Đến tháng 11/2009, Công ty Thái Sơn đã chuyển lại tiền góp vốn cho MTGas.

- **Dự án Phước Đông:** Hiện nay, Khu Công Nghiệp Phước Đông đã gần hoàn thành khu tái định cư và đang tiến hành san lấp cơ sở hạ tầng. Tuy nhiên do giá cả chi phí vật liệu xây dựng và chi phí huy động vốn cao nên tiến độ chậm không theo đúng kế hoạch đặt ra.

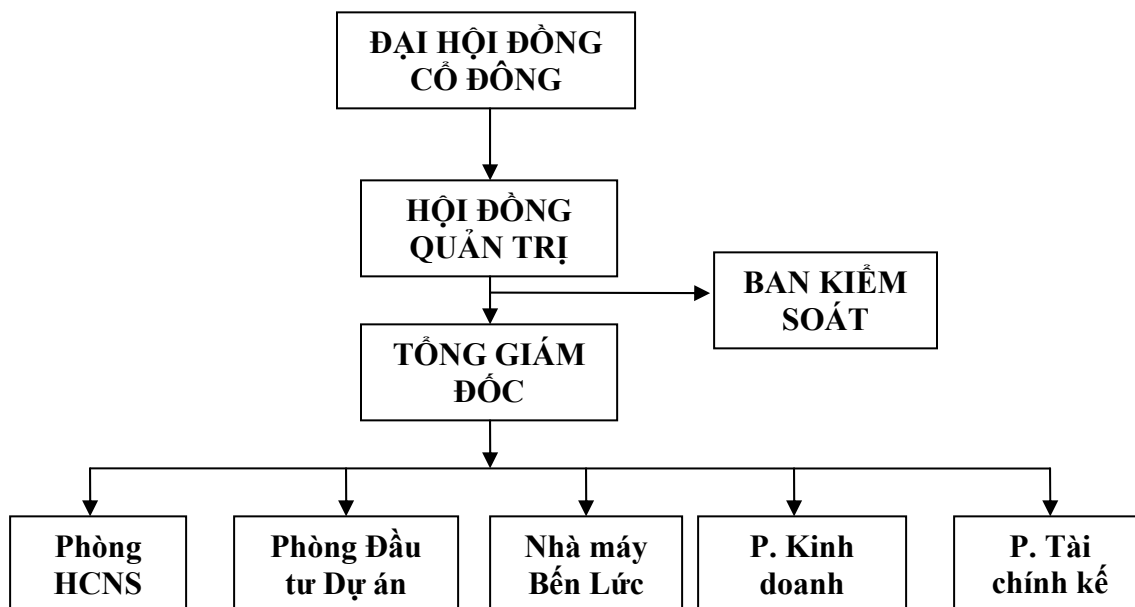
- **Dự án Tân Tập:**

Hiện nay, MT Gas cùng các đối tác tham gia dự án đang khẩn trương triển khai thực hiện dự án liên doanh Vinabenny đầu tư kho gas lạnh tại khu Công nghiệp Tân Tập Long An.

- **Dự án Tower Thăng Long:**

Do nguồn vốn để thực hiện dự án gặp nhiều khó khăn nên hiện tại dự án chưa triển khai. Công ty cổ phần Thăng Long Tower đang tìm kiếm nguồn vốn từ các nhà đầu tư để nhanh chóng đưa dự án vào thực hiện.

3.1.5 Tổ chức bộ máy nhân sự của Công ty:



Công ty cổ phần MT Gas trong giai đoạn mở rộng phát triển kinh doanh nên vấn đề chất lượng nhân sự là một trong những vấn đề quan tâm hàng đầu. Trong năm 2009, Công ty đã tuyển thêm các cán bộ, nhân viên có trình độ học vấn cao và kinh nghiệm để bổ sung nguồn lực nhân sự cho các phòng ban.

Kế hoạch trong năm 2010, Công ty tiếp tục tuyển dụng và đào tạo các cán bộ trẻ để đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của Công ty.

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Xem Báo cáo tài chính 2009 dạng đầu đủ đã được kiểm toán ở phần sau của Báo cáo thường niên 2009.

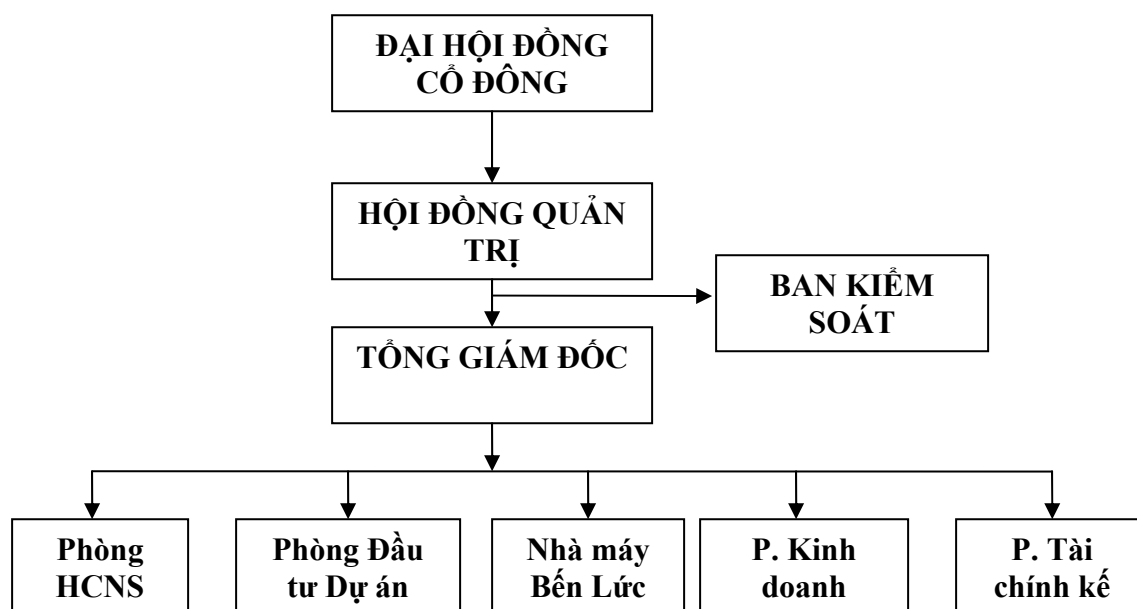
IV. GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Xem ý kiến của kiểm toán viên về Báo cáo tài chính năm 2009

V. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra, giám sát tuân thủ các qui trình nguyên tắc trong quản lý điều hành sản xuất kinh doanh, quản lý tài chính, các nghị quyết của đại hội cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị và sự tuân thủ pháp luật nhà nước nhằm đảm bảo hoạt động của công ty đúng định hướng, hiệu quả, minh bạch.
- Thường xuyên tham gia các cuộc họp của HĐQT, Ban giám đốc. Đưa ra các ý kiến đóng góp nhằm thực hiện theo đúng định hướng của Công ty.
- Cùng với đơn vị kiểm toán soát xét và thực hiện các thủ tục kiểm toán báo cáo tài chính của công ty trong năm 2009.

VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY



VII. BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Hội đồng quản trị:

1- Ông Lê Tự Minh

Chủ tịch Hội đồng quản trị

2- Ông Nguyễn Đức Bình

Phó chủ tịch Hội đồng quản trị

- | | |
|---------------------------|-----------------|
| 3- Ông Phạm Thế Cường | Thành viên HĐQT |
| 4- Ông Nguyễn Quang Trung | Thành viên HĐQT |
| 5- Bà Võ Thị Minh Toàn | Thành viên HĐQT |

Ban Tổng giám đốc

- | | |
|----------------------------|---------------|
| 1. Ông Nguyễn Quang Trung | Tổng giám đốc |
| 2. Và các Giám Đốc bộ phận | |

Tài chính Kế toán

- | | |
|-----------------------------|----------------|
| 1. Bà Bùi Mộng Trường Thiên | Kế toán trưởng |
|-----------------------------|----------------|

Ban kiểm soát

- | | |
|-------------------------|------------|
| 1. Bà Bùi Phạm Thái Hòa | Trưởng ban |
| 2. Ông Dương Minh Tuấn | Thành viên |

VIII. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI NGÀY 31/12/2009

Cổ đông	Số cuối năm		Số đầu năm	
	%	Số cổ phần	%	Số cổ phần
Ông Lê Tự Minh	31,56 %	2.525.000	31,56 %	2.525.000
Ông Nguyễn Đức Bình	15,63 %	1.250.000	15,63 %	1.250.000
Ông Phạm Thế Cường	3,13 %	250.000	3,13 %	250.000
Ông Trần Quang Tuyển	5,31 %	425.000	5,31 %	425.000
Bà Nguyễn Thị Tuyết Hoa	2,5 %	200.000	2,5 %	200.000
Bà Vũ Thị Kim Quy	2,5 %	200.000	2,5 %	200.000
Bà Lê Thị Minh Thùy	1,88 %	150.000	1,88 %	150.000
Các cổ đông khác	37,5 %	3.000.000	37,5 %	3.000.000
Tổng cộng	100%	8.000.000	100%	8.000.000

Long An, ngày 15 tháng 04 năm 2010
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
 (ĐÃ KÝ)

LÊ TỰ MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2009 CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS (ĐÃ KIỂM TOÁN)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31/12/2009**

CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS

MỤC LỤC

---oOo---

	Trang
1- Báo Cáo Của Tổng Giám Đốc	01 - 03
2- Báo Cáo Kiểm Toán	04
3- Bảng Cân Đối Kế Toán	5 - 6
4- Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh	07
5- Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ	08- 09
6- Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính	10 - 22
7- Phụ Lục Vốn Chủ Sở Hữu	23

CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Tổng Giám đốc Công Ty Cổ Phần MT Gas trân trọng đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

1. Các hoạt động chính

Công Ty Cổ Phần MT Gas Việt Nam, tiền thân là Công ty TNHH MT Gas Việt Nam, được chuyển đổi theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 5003000179 ngày 12 tháng 2 năm 2007 so Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp (Đăng ký thay đổi lần 4 theo giấy phép kinh doanh số 1100480979 ngày 08 tháng 4 năm 2009). Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết số 132/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám Đốc Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 12 năm 2008. Mã chứng khoán : MTG. Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MT GAS JOINT STOCK COMPANY (Viết tắt: MT GAS)

Trụ sở chính: Lô 1, Ấp Thuận Đạo, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.

Văn phòng đại diện: Lầu 7, tòa nhà Petrovietnam, số 5 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công Ty:

- Kinh doanh chiết nạp khí hóa lỏng (LPG), xăng dầu, dầu mỡ nhờn;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường sông;
- Kinh doanh cảng biển, cảng sông;
- Mua bán vật tư, thiết bị máy móc công nghiệp, sản phẩm cơ khí, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Cho thuê kho bãi, nhận quyền sử dụng đất để xây dựng nhà cho thuê;
- Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, dân dụng, công nghiệp, thi công cầu đường, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch xây dựng nhà để ở để chuyển quyền sử dụng đất;
- San lấp mặt bằng;
- Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng

2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc Công ty:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Tự Minh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Đức Bình	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Phạm Thế Cường	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Võ Thị Minh Toàn	Thành viên Hội đồng Quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc Công ty (tiếp theo):

Ban Kiểm soát

Bà Bùi Phạm Thái Hòa	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Dương Minh Tuấn	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Trần Thị Diệu Hòa	Thành viên Ban Kiểm soát

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Trung	Tổng Giám đốc
------------------------	---------------

3. Kết quả hoạt động kinh doanh

Tổng doanh thu và thu nhập khác	205,073,701,369 đồng
Tổng chi phí	193,240,332,703 đồng
Lợi nhuận trước thuế	11,833,368,666 đồng

4. Kiểm toán độc lập

Công Ty TNHH Kiểm Toán và Dịch Vụ Tin Học TP.HCM (AISC) được chỉ định kiểm toán cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

5. Cam kết của Tổng Giám đốc

niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau:

- Trước khi các báo cáo tài chính của Công ty được lập, Tổng Giám đốc đã tiến hành những bước cần thiết để đảm bảo rằng giá trị sổ sách của bất kỳ tài sản lưu động nào của Công ty đã được xác định phù hợp với giá trị thực tế của tài sản vào thời điểm kết thúc niên độ 2009.
- Không có bất kỳ sự kiện hay trường hợp bất thường nào xảy ra kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2009 đến thời điểm lập báo cáo này có thể dẫn đến sự hiểu nhầm về các số liệu trình bày trong các báo cáo tài chính của Công ty.
- Không có một thế chấp nào bằng tài sản của Công ty kể từ cuối năm tài chính để đảm bảo cho những khoản nợ của bất kỳ cá nhân nào khác.
- Không có một khoản nợ ngoài dự kiến nào hay một khoản nợ nào khác của Công ty sẽ hay có thể làm ảnh hưởng một cách nghiêm trọng đến khả năng thực hiện nghĩa vụ của Công ty, khi các khoản nợ này đến hạn trả hay khi Công ty bị bắt buộc phải trả hoặc có thể bị bắt buộc phải trả trong thời hạn mười hai tháng sau ngày 31 tháng 12 năm 2009.
- Các hoạt động trong sáu tháng của Công ty được phản ánh trên báo cáo tài chính không có khả năng bị ảnh hưởng một cách nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ, sự kiện có bản chất trọng yếu bất thường nào đã phát sinh cho đến ngày lập báo cáo này.
- Trong trường hợp cần thiết, các thông tin cần công bố được giải trình trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.
- Lựa chọn các chính sách kế toán được thích hợp và áp dụng một cách nhất quán, các ước tính được đánh giá hợp lý và thận trọng.
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, chúng tôi nhận thấy rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Ngày 16 tháng 3 năm 2010

Tổng Giám đốc

ĐÃ KÝ

Nguyễn Quang Trung

Số: 06.09.272/AISC - DN4

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS .**

Kính gửi : Hội Đồng Quản Trị & Tổng Giám Đốc Công Ty Cổ Phần MT Gas.

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc tại ngày 31/12/2009, của Công Ty Cổ Phần MT Gas được lập ngày 15 tháng 01 năm 2010 từ trang 05 đến trang 23 đính kèm.

Việc lập, soạn thảo và trình bày báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Tổng Giám Đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo những quy định của Nhà nước Việt nam về chế độ kế toán và kiểm toán; phù hợp với các chuẩn mực kiểm toán Việt nam.

Trên căn bản thử nghiệm, chọn mẫu, cuộc kiểm toán bao gồm việc xem xét các chứng cứ liên quan đến số liệu và các công bố trên các Báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá về những ước lượng và những xét đoán quan trọng đã được thể hiện bởi Tổng Giám Đốc của Công ty; về sự phù hợp của các nguyên tắc, chế độ kế toán, việc áp dụng nhất quán và trình bày đầy đủ trong việc soạn thảo các Báo cáo tài chính.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và hoàn thành cuộc kiểm toán để đạt được tất cả các thông tin và các giải trình cần thiết nhằm cung cấp cho chúng tôi đầy đủ chứng cứ để đảm bảo rằng báo cáo tài chính tránh được các sai sót trọng yếu. Chúng tôi tin rằng việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần MT Gas tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

TP.HCM, ngày 16 tháng 03 năm 2010

KIỂM TOÁN VIÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÃ KÝ

ĐÃ KÝ

Trương Diệu Thúy

Phạm Văn Vinh

Số chứng chỉ KTV: 0212/KTV

Số chứng chỉ KTV: Đ0112/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		109,678,635,261	73,143,030,100
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3,335,607,563	1,187,776,877
1. Tiền	111	V.01	3,335,607,563	1,187,776,877
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	448,170,000	22,184,384,662
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1,365,920,000	40,996,277,662
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(917,750,000)	(18,811,893,000)
III. Các khoản phải thu	130		92,949,315,416	42,533,196,322
1. Phải thu của khách hàng	131		57,031,792,613	18,901,163,637
2. Trả trước cho người bán	132		9,314,000	18,000,000
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	35,908,208,803	23,614,032,685
IV. Hàng tồn kho	140		6,363,686,251	1,297,337,981
1. Hàng tồn kho	141	V.04	6,363,686,251	1,297,337,981
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6,581,856,031	5,940,334,258
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		277,733,268	157,098,544
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			760,698,828
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	6,304,122,763	5,022,536,886
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		99,453,906,334	109,684,923,753
II. Tài sản cố định	220		42,577,664,352	43,397,414,873
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	42,392,669,428	43,192,724,004
<i>Nguyên giá</i>	222		50,439,931,050	48,173,405,723
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(8,047,261,622)	(4,980,681,719)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	24,619,924	44,315,869
<i>Nguyên giá</i>	228		59,087,827	59,087,827
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(34,467,903)	(14,771,958)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	160,375,000	160,375,000
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	6,274,303,544	6,847,995,272
<i>Nguyên giá</i>	241		7,925,400,000	7,925,400,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(1,651,096,456)	(1,077,404,728)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		27,410,521,852	46,330,521,852
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	27,410,521,852	46,330,521,852
V. Tài sản dài hạn khác	260		23,191,416,586	13,108,991,756
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14.1	20,032,914,714	1,645,546,995
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	2,797,028,291	5,175,824,180
3. Tài sản dài hạn khác	263	V.14.2	361,473,581	6,287,620,581
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		209,132,541,596	182,827,953,853

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		61,598,413,408	44,748,398,443
I. Nợ ngắn hạn	310		54,483,064,008	38,958,883,243
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	5,825,069,775	3,734,940,000
2. Phải trả cho người bán	312		46,394,566,391	33,233,438,254
3. Người mua trả tiền trước	313			369,532,641
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1,734,666,531	7,918,017
5. Phải trả người lao động	315		190,303,945	140,549,774
6. Chi phí phải trả	316	V.17		733,461,667
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	338,457,366	739,042,890
II. Nợ dài hạn	330		7,115,349,400	5,789,515,200
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.19	7,098,831,000	5,731,540,000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		16,518,400	57,975,200
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		147,534,128,187	138,079,555,410
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	147,473,964,673	138,019,391,896
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80,000,000,000	80,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		61,474,996,700	61,474,996,700
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		795,981,086	795,981,086
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1,193,971,629	1,193,971,629
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		530,654,057	530,654,057
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		3,478,361,201	(5,976,211,576)
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		60,163,514	60,163,514
1. Quỹ khen thưởng phúc lợi	431		60,163,514	60,163,514
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		209,132,541,595	182,827,953,853

Ngày 15 tháng 01 năm 2010

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

ĐÃ KÝ

ĐÃ KÝ

Bùi Mộng Trường Thiên

Nguyễn Quang Trung

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	192,114,172,441	133,133,912,367
2- Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.26	194,684,176	104,915,778
3- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		191,919,488,265	133,028,996,589
4- Giá vốn hàng bán	11	VI.27	178,832,870,971	126,437,044,935
5- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13,086,617,294	6,591,951,654
6- Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.28	7,266,187,155	5,391,722,355
7- Chi phí tài chính	22	VI.29	290,255,731	19,278,120,627
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		853,823,053	422,795,239
8- Chi phí bán hàng	24		1,621,902,706	1,884,477,177
9- Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6,569,156,295	6,364,165,048
10- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11,871,489,717	(15,543,088,843)
11- Thu nhập khác	31	VI.30	5,888,025,949	20,739,635
12- Chi phí khác	32		5,926,147,000	4,697,922,549
13- Lợi nhuận khác	40		(38,121,051)	(4,677,182,914)
14- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11,833,368,666	(20,220,271,757)
15- Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31		
16- Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32	2,378,795,889	(4,644,060,180)
17- Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		9,454,572,777	(15,576,211,577)
18- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1,181.82	(1,947.03)

Ngày 15 tháng 01 năm 2010

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

ĐÃ KÝ
Bùi Mộng Trường Thiên

ĐÃ KÝ
Nguyễn Quang Trung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
I- Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11,833,368,666	(20,220,271,757)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		3,659,967,576	3,376,303,219
Các khoản dự phòng	03		(17,894,143,000)	17,226,633,000
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			198,162,000
Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3,188,881,817)	(4,492,623,331)
Chi phí lãi vay	06		853,823,053	513,780,895
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08			
Tăng/giảm các khoản phải thu	09		(45,010,859,143)	8,109,978,431
Tăng/giảm hàng tồn kho	10		(5,066,348,270)	(1,184,674,734)
Tăng/ giảm các khoản phải trả	11		14,759,885,190	88,355,421,706
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12		(18,508,002,443)	(1,375,912,843)
Tiền lãi vay đã trả	13		(853,823,053)	(513,780,895)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14			(4,490,733,309)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			12,362,394,600
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16			(12,372,425,600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(59,415,013,241)	85,492,251,382
II- Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21		(2,266,525,327)	(11,319,917,416)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TS dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		39,630,357,662	
5. Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		18,920,000,000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3,188,881,817	4,520,473,331
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động đầu tư	30		59,472,714,152	(6,799,444,085)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

(Theo phương pháp gián tiếp)

Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
III- Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		44,663,739,653	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(42,573,609,878)	(78,705,288,115)
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động tài chính	40		2,090,129,775	(78,705,288,115)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		2,147,830,686	(12,480,818)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1,187,776,877	1,200,257,695
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII.34	3,335,607,563	1,187,776,877

Ngày 15 tháng 01 năm 2010

Kế toán trưởng

Giám Đốc

ĐÃ KÝ

ĐÃ KÝ

Bùi Mộng Trường Thiên

Nguyễn Quang Trung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Công Ty Cổ Phần MT Gas Việt Nam, tiền thân là Công ty TNHH MT Gas Việt Nam, được chuyển đổi theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 5003000179 ngày 12 tháng 2 năm 2007 so Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp (Đăng ký thay đổi lần 4 theo giấy phép kinh doanh 1100480979 ngày 08 tháng 4 năm 2009). Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MT GAS JOINT STOCK COMPANY (Viết tắt: MT GAS).

Công ty đã niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết số 132/QĐ - SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 12 năm 2008.
Mã chứng khoán: MTG.

Địa chỉ trụ sở chính và nhà máy: Lô 1, Ấp Thuận Đạo, Trị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.

Văn phòng đại diện: Lầu 7, tòa nhà Petrovietnam, số 5 Lê Duẩn, quận 1, TP.HCM.

1. Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Tổng vốn điều lệ: 80 tỷ đồng

2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh chiết nạp khí hóa lỏng (LPG), xăng dầu, dầu mỡ nhờn;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường sông;
- Kinh doanh cảng biển, cảng sông;
- Mua bán vật tư, thiết bị máy móc công nghiệp, sản phẩm cơ khí, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Cho thuê kho bãi, nhận quyền sử dụng đất để xây dựng nhà cho thuê;
- Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, dân dụng, công nghiệp, thi công cầu đường, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch xây dựng nhà để ở để chuyển quyền sử dụng đất;
- San lấp mặt bằng;
- Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất.

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán:

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và lập báo cáo tài chính: Việt Nam đồng.

III. Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam:

Công Ty tuân thủ chấp hành các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.**IV. Các chính sách kế toán áp dụng:****1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**

- Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không quá nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Những nghiệp vụ liên quan đến các loại ngoại tệ phát sinh trong năm được qui đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân của liên ngân hàng Nhà Nước tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

- Các chênh lệch phát sinh do quy đổi ngoại tệ và đánh giá lại số dư các tài khoản tiền tệ và công nợ có gốc ngoại tệ được thực hiện theo Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009.

2. Phương pháp kế toán hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá: Được ghi nhận theo giá gốc (Thực hiện theo chuẩn mực số 02 "Hàng tồn kho").

Phương pháp xác định giá trị hàng hóa tồn kho cuối kỳ: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

3. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình: là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được đưa vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao được tính dựa trên nguyên giá của TSCĐ và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao hàng năm dựa trên mức độ hữu dụng dự tính của TSCĐ phù hợp với quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ban hành ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính.

Thời gian khấu hao ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 20 năm
- Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	5 - 15 năm
- Tài sản cố định vô hình	3 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bao gồm các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu; là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành Bất động sản đầu tư đó.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn: Ghi nhận theo phương pháp giá gốc;

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: Ghi nhận theo phương pháp giá gốc;

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc.

6 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất, tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

8. Ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho hàng hoá - dịch vụ đã sử dụng trong kỳ, hoặc được trích trước nhằm không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư góp vốn của các cổ đông.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được trích lập các quỹ và chia cổ tức cho các cổ đông theo quyết định của Hội đồng quản trị và theo Điều lệ Công Ty.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng và số tiền thu về được xác định tương đối chắc chắn. Tại thời điểm ghi nhận doanh thu Công ty đã hoàn thành việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua, đồng thời xác định được chi phí có liên quan;

Doanh thu hoạt động tài chính: Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở kỳ hạn và lãi suất của từng kỳ với số tiền thu về được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN trong năm bao gồm: thuế TNDN hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. (Thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 17 " Thuế thu nhập doanh nghiệp).

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Thuế TNDN hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành * thuế suất thuế TNDN năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh trong năm và điều chỉnh tăng, giảm cho các khoản doanh thu và chi phí không khấu trừ theo Luật thuế TNDN hiện hành và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng Cân Đối Kế Toán

1. Tiền		31/12/2009	01/01/2009
Tiền mặt		384,400,049	319,457,921
Tiền gửi ngân hàng		2,951,207,514	868,318,956
Cộng		3,335,607,563	1,187,776,877
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		31/12/2009	01/01/2009
	Số lượng	Giá trị	
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	39,050	1,365,920,000	40,996,277,662
<i>Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí</i>			33,125,817,662
<i>Công ty Cổ phần Khoán và Dịch vụ Dầu khí</i>			1,810,000,000
<i>Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư</i>			1,505,000,000
<i>Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội</i>			124,460,000
<i>Công ty Cổ phần QT Hoàng Gia</i>	50	920,000	6,000,000
<i>Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Viễn thông</i>			1,660,000,000
<i>Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất</i>	10,000	505,000,000	505,000,000
<i>Công ty Cổ phần Gạch Men Thanh Thanh</i>	29,000	860,000,000	860,000,000
<i>Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam</i>			1,400,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(917,750,000)	(18,811,893,000)
Cộng		448,170,000	22,184,384,662

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Các khoản phải thu khác	31/12/2009	01/01/2009
<i>Lê Tự Minh (*)</i>		
<i>Nợ gốc vay</i>	1,070,000,000	1,700,055,780
<i>Lãi vay</i>	239,675,124	
<i>Công ty BĐS Phước Đông (**)</i>	15,000,000,000	
<i>Công ty TNHH Công Nghiệp</i>	12,216,047,750	21,900,000,000
<i>Công ty MeKong</i>		5,702,000
<i>DNTN Xăng Dầu Rạch Kiền</i>		3,958,691
<i>Lê Văn Tha</i>	4,376,700	
<i>Thuế GTGT chưa được khấu trừ</i>	4,007,488,190	
<i>Công ty CP SX DV TM XD Thành Tài</i>		4,316,214
<i>Bảo hiểm xã hội</i>	1,008,390	
<i>Công ty TNHH Khí đốt Gia Đình</i>	3,369,612,649	
Cộng	35,908,208,803	23,614,032,685
<i>(*): Khoản vay cá nhân của Ông Lê Tự Minh - Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị MTGas.</i>		
<i>(**): Khoản vay của Công ty BĐS Phước Đông theo Hợp đồng tín dụng số 0412/HĐCV/2009/MTGAS-PHUOCDONG ngày 15/12/2009. Thời hạn vay là 4 tháng, lãi suất 12%/năm, lãi suất này sẽ được điều chỉnh 1 tháng/ 1 lần theo lãi suất huy động tiết kiệm thường 3 tháng loại trả sau của Techcombank tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 5,04%/năm.</i>		
4. Hàng tồn kho	31/12/2009	01/01/2009
Nguyên liệu, vật liệu	25,958,433	1,450,358
Thành phẩm	189,606,818	36,716,498
Hàng hóa	6,148,121,000	1,259,171,125
Cộng	6,363,686,251	1,297,337,981
5. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2009	01/01/2009
Tài sản thiếu chờ xử lý	19,440,156	11,446,890
Tạm ứng	4,084,678,207	5,008,085,596
<i>Ông Phạm Thế Cường</i>	2,838,461,539	3,286,066,216
<i>Tạm ứng cho Dự án cảng Tân Lập</i>	1,239,222,215	
<i>Tạm ứng dự án KCN Phước Đông</i>	1,000,000,000	
<i>Khác</i>	599,239,324	
<i>Ông Lê Tự Minh</i>	126,460,000	376,460,000
<i>Ông Trần Vĩnh Hà</i>	330,000,000	330,000,000
<i>Ông Nguyễn Quang Trung tạm ứng dự án Hà Nội</i>	736,292,068	736,292,068
<i>Các cá nhân khác</i>	53,464,600	279,267,312
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	2,200,004,400	3,004,400
<i>Ngân hàng TMCP Liên Việt</i>	2,200,000,000	
<i>Cty CP Mai Linh</i>		3,000,000
<i>Khác</i>	4,400	4,400
Cộng	6,304,122,763	5,022,536,886

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	TSCĐ Khác	Tổng Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu năm	38,394,191,719	2,213,220,059	5,160,523,673	2,405,470,272	48,173,405,723
Mua trong năm		291,547,620	1,974,977,707		2,266,525,327
Số dư cuối năm	38,394,191,719	2,504,767,679	7,135,501,380	2,405,470,272	50,439,931,050
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	3,726,370,536	258,078,756	542,208,134	454,024,293	4,980,681,719
Khấu hao trong năm	1,983,687,792	247,771,414	567,249,147	267,871,550	3,066,579,903
Số dư cuối năm	5,710,058,328	505,850,170	1,109,457,281	721,895,843	8,047,261,622
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
Tại ngày đầu năm	34,667,821,183	1,955,141,303	4,618,315,539	1,951,445,979	43,192,724,004
Tại ngày cuối năm	32,684,133,391	1,998,917,509	6,026,044,099	1,683,574,429	42,392,669,428

* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay là: 30.924.929.317 đồng.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Dụng cụ văn phòng	Tổng Cộng
Nguyên giá TSCĐ		
Số dư đầu năm	59,087,827	59,087,827
Số dư cuối năm	59,087,827	59,087,827
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	14,771,958	14,771,958
Khấu hao trong năm	19,695,945	19,695,945
Số dư cuối năm	34,467,903	34,467,903
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình		
Tại ngày đầu năm	44,315,869	44,315,869
Tại ngày cuối năm	24,619,924	24,619,924

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2009	01/1/2009
Chi phí đầu tư cho dự án Cao Ốc Hà Nội	64,924,000	64,924,000
Chi phí đầu tư cho dự án Tân Tập	95,451,000	95,451,000
Cộng	160,375,000	160,375,000

CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09- DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Tăng, giảm Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Nhà kho	Tổng Cộng
Nguyên giá Bất động sản đầu tư		
Số dư đầu năm	7,925,400,000	7,925,400,000
Số dư cuối năm	<u>7,925,400,000</u>	<u>7,925,400,000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	1,077,404,728	1,077,404,728
<i>Khấu hao trong năm</i>	573,691,728	573,691,728
Số dư cuối năm	<u>1,651,096,456</u>	<u>1,651,096,456</u>
Giá trị còn lại của Bất động sản đầu tư		
Tại ngày đầu năm	6,847,995,272	6,847,995,272
Tại ngày cuối năm	<u>6,274,303,544</u>	<u>6,274,303,544</u>

Thuyết minh bất động sản đầu tư

Nhà kho Sancom và nhà kho số 2 dùng để cho thuê.

13. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
Công ty Phước Đông (&)	25,830,521,852	25,830,521,852
Dự án tòa nhà S' CETPA (@)		19,500,000,000
Công ty Tower Thăng Long (*)	1,100,000,000	1,000,000,000
Công ty Cổ phần Năng lượng VinaBenny	480,000,000	
Cộng	<u>27,410,521,852</u>	<u>46,330,521,852</u>

(&): Đầu tư góp vốn vào Công ty Bất Động Sản Phước Đông theo Quyết Định số 262/QĐ-HĐQT-MTGas ngày 31/12/2007 của Hội Đồng Quản Trị Công ty CP MTGas. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 số 1100807198 ngày 18/02/2009 của Công ty CP BDS Phước Đông, tỷ lệ góp vốn của Công Ty Cổ Phần MT Gas là 19%.

(@): Năm 2009, Công ty đã thu hồi vốn Đầu tư vào dự án tòa nhà S'CETPA (19A Cộng Hòa, Q. tân Bình, HCM) theo hợp đồng hợp tác vốn đầu tư số 25/TS-ĐT ngày 29/03/2007 với Công ty TNHH Thái Sơn. Do kinh doanh không thuận lợi, tỷ lệ góp vốn của Công Ty Cổ Phần MT Gas là 20%.

(*): Đầu tư vào Công ty Cổ Phần Tower Thăng Long theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty CP Tower Thăng Long số 0103022313 ngày 31/01/2008.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Tài sản dài hạn khác**14.1 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2009	01/01/2009
Đồ dùng văn phòng	6,472,690	15,102,932
Thiết bị máy móc văn phòng (không đủ tiêu chuẩn TSCĐ)	9,978,443	24,946,111
Vỏ bình Gas (*)	16,516,463,581	1,605,497,952
Chi phí Dự án S'CETPA" (**)	3,500,000,000	
Cộng	20,032,914,714	1,645,546,995

(*): Chi phí vỏ bình gas được công ty phân bổ trong vòng 5-10 năm.

(**): Theo Biên bản họp HĐQT số 1309/BB-HĐQT-MTGas ngày 16/12/2009, chi phí thanh lý hợp đồng đầu tư số 25/TS-ĐT ngày 29/3/2007, sẽ được phân bổ trong năm 2010 và 2011.

14.2 Tài sản dài hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
Ký quỹ mượn bình gas		5,926,147,000
Đặt cọc thuê văn phòng với Công ty DV Kỹ Thuật Dầu Khí Tp.HCM	201,473,581	201,473,581
Đặt cọc thuê mặt bằng Công ty CP Cơ Khí Xây Dựng Long An	160,000,000	160,000,000
Cộng	361,473,581	6,287,620,581

15. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2009	01/01/2009
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (α)	5,825,069,775	
Nợ dài hạn đến hạn trả (Vay Agrilbank Sài Gòn)		3,734,940,000
Cộng	5,825,069,775	3,734,940,000

(α) Theo Hợp đồng tín dụng số: 40754/HĐHM / TCB-PMH ngày 16/7/2009:

Hạn mức tín dụng: 30,000,000,000 VNĐ - Số dư LC - Số dư bảo lãnh

Lãi suất: 12%/ năm

Thời hạn cho vay: 4 tháng

Bảo đảm vay:

- Hợp đồng thế chấp của bên thứ ba số 40755/HĐTC-BDS/ TCB ngày 16/12/2009. Quyền sử dụng đất của lô đất 2450m² thuộc thửa đất khu quy hoạch Nam Vỹ Dạ, tọa lạc tại Phường Vỹ Dạ, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế và tài sản gắn liền với đất là văn phòng làm việc tọa lạc tại số 38 Phạm Văn Đồng, Phường Vy Dạ, TP. Huế. Giá trị cầm cố: 42.509.650.000 đồng

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2009	01/1/2009
Thuế GTGT phải nộp	1,727,164,627	
Thuế thu nhập cá nhân	5,161,568	5,577,681
Các loại thuế khác	2,340,336	2,340,336
Cộng	1,734,666,531	7,918,017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/12/2009	01/1/2009
17. Chi phí phải trả		
Chi phí lãi vay		733,461,667
Cộng	-	733,461,667
18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
Tài sản thừa chờ giải quyết	92,702,668	92,702,668
Kinh phí công đoàn	6,223,600	5,091,600
Phải trả về Cổ phần hóa	76,682,169	76,682,169
Phải trả khác	162,848,929	564,566,453
- Công ty TNHH Khí Hóa Lông Cội Nguồn (VN)	27,817,812	14,023,800
- Gas dư nhập về phải trả cho khách hàng	65,380,873	15,531,000
- Công ty TNHH DV - TM Gia Đình		177,235,463
- DNTN TMDV SX Hồng Mộc		182,854,770
- Công ty CP KD Khí Hóa Lông Miền Nam		13,470
- Công ty Shell Gas (LPG) Việt Nam		99,802,710
- Công ty CP SX DV TM XD Thành Tài	972,000	
- Công ty VINASIN	67,539,200	75,105,240
- Lê Văn Tha	-	
- Khác	1,139,044	
Cộng	338,457,366	739,042,890
19. Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ vỏ bình gas	7,098,831,000	5,731,540,000
Cộng	7,098,831,000	5,731,540,000
21. Tài sản thuế TNDN hoãn lại		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế năm trước	5,175,824,180	5,175,824,180
Tài sản thuế TNDN hoãn lại liên quan đến các khoản thuế chưa sử dụng		
Khoản hoàn nhập tài sản thuế TNDN hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	(2,378,795,889)	
Cộng	2,797,028,291	5,175,824,180

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

22. Vốn chủ sở hữu**a- Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu: Phụ lục trang 23.****b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2009		01/1/2009	
	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị
Lê Tự Minh	31.56%	25,250,000,000	31.56%	25,250,000,000
Nguyễn Đức Bình	15.63%	12,500,000,000	15.63%	12,500,000,000
Phạm thế Cường	3.13%	2,500,000,000	3.13%	2,500,000,000
Vũ Thị Kim Quy	2.50%	2,000,000,000	2.50%	2,000,000,000
Trần Quang Tuyến	5.31%	4,250,000,000	5.31%	4,250,000,000
Nguyễn Thị Tuyến Hoa	2.50%	2,000,000,000	2.50%	2,000,000,000
Lê Thị Minh Thùy	1.88%	1,500,000,000	1.88%	1,500,000,000
Các cổ đông khác	37.50%	30,000,000,000	37.50%	30,000,000,000
Cộng	100%	80,000,000,000	100%	80,000,000,000

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2009	Năm 2008
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
<i>Vốn góp đầu năm</i>	80,000,000,000	80,000,000,000
<i>Vốn góp tăng trong năm</i>		
<i>Vốn góp cuối năm</i>	<u>80,000,000,000</u>	<u>80,000,000,000</u>
d- Cổ phiếu	Năm 2009	Năm 2008
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	8,000,000	8,000,000
Số lượng cổ phần đã bán	8,000,000	8,000,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	8,000,000	8,000,000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/CP):	<u>10,000</u>	<u>10,000</u>
e- Các quỹ của doanh nghiệp	Năm 2009	Năm 2008
Quỹ đầu tư phát triển	795,981,086	795,981,086
Quỹ dự phòng tài chính	1,193,971,629	1,193,971,629
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	530,654,057	530,654,057
Quỹ khen thưởng	<u>60,163,514</u>	<u>60,163,514</u>

*** Mục đích trích lập các quỹ:**

Quỹ đầu tư phát triển: Bổ sung vốn điều lệ công ty

Quỹ dự phòng tài chính: Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản và bù đắp những khoản lỗ trong kinh doanh

Quỹ khen thưởng và phúc lợi: Thưởng cá nhân và tập thể và chi cho các hoạt động phúc lợi công ty và xã hội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh

	Năm 2009	Năm 2008
25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng	190,291,704,856	125,341,511,749
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1,822,467,585	7,792,400,618
Cộng	192,114,172,441	133,133,912,367
26. Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	194,684,176	104,915,778
Cộng	194,684,176	104,915,778
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2009	Năm 2008
Doanh thu thuần trao đổi hàng hóa	190,097,020,680	125,236,595,971
Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	1,822,467,585	7,792,400,618
Cộng	191,919,488,265	133,028,996,589
27. Giá vốn hàng bán	Năm 2009	Năm 2008
Giá vốn hàng hóa đã bán	175,303,595,249	
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3,529,275,722	
Cộng	178,832,870,971	-
28. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2009	Năm 2008
Lãi tiền gửi	156,850,855	621,566,513
Lãi cho vay	149,619,344	117,037,400
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2,882,411,618	3,781,865,240
Thu nhập từ mua bán chứng khoán	4,077,305,338	860,581,384
Chiết khấu thanh toán		10,671,818
Cộng	7,266,187,155	5,391,722,355

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

29. Chi phí tài chính	Năm 2009	Năm 2008
Lãi tiền vay	853,823,053	513,780,895
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	722,391,283	10,248,000
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		198,162,000
Lỗ đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu		1,070,374,172
Phí phát hành chứng thư bảo lãnh		58,922,560
Chi phí niêm yết chứng khoán		200,000,000
Chi phí mượn tài sản thế chấp	589,090,910	-
Chi phí môi giới chứng khoán	89,005,515	
Hoàn nhập dư phòng giảm giá chứng khoán	(1,968,009,600)	17,226,633,000
Phí chuyển khoản	3,786,641	
Chi phí tài chính khác	167,929	
Cộng	290,255,731	19,278,120,627
30. Thu nhập khác	Năm 2009	Năm 2008
Lãi do hoàn nhập các khoản ký quỹ vỏ bình gas	5,670,390,000	
Thu phí đảm bảo hợp đồng vay của Phước Đông	160,000,000	
Khác	57,635,949	20,739,635
Cộng	5,888,025,949	20,739,635
31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2009	Năm 2008
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế thời kỳ kế toán hiện hành	11,833,368,666	(20,220,271,757)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN:	(2,318,185,111)	(483,024,962)
- Các khoản điều chỉnh tăng	564,226,507	3,298,840,278
+ Chi phí không hợp lệ	564,226,507	318,216,522
+ Tiền phạt do nộp chậm thuế		199,514,800
+ Lỗ do đánh giá chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		198,162,000
+ Chi phí do xử lý các công nợ tồn đọng từ nhiều năm trước		2,582,946,956
- Các khoản điều chỉnh giảm	2,882,411,618	3,781,865,240
+ Cổ tức và lợi nhuận được chia	2,882,411,618	3,781,865,240
Thu nhập chịu thuế TNDN	9,515,183,555	(20,703,296,719)
Chuyển lỗ từ năm trước sang	(9,515,183,555)	
Tổng thu nhập chịu thuế	-	
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		(5,175,824,180)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ này	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

32. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	Năm 2009	Năm 2008
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh năm nay từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế		(5,175,824,180)
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh của năm nay từ việc hoàn nhập tài sản thuế TNDN hoãn lại	2,378,795,889	531,764,000
Cộng	2,378,795,889	(4,644,060,180)
34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2009	Năm 2008
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9,454,572,777	(15,576,211,577)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
- Điều chỉnh giảm lợi nhuận chia cho đơn vị hợp tác kinh doanh		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	9,454,572,777	(15,576,211,577)
Cổ phiếu cổ đông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8,000,000	8,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,181.82	(1,947.03)

VIII. Những thông tin khác**5. Thông tin so sánh**

Số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008, là số liệu báo cáo của Công Ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DTL.

Ngày 15 tháng 01 năm 2010

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

ĐÃ KÝ

ĐÃ KÝ

Bùi Mộng Trường Thiên

Nguyễn Quang Trung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)

PHỤ LỤC

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

22. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc nguồn vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	80,000,000,000	61,474,996,700				12,253,270,000	153,728,266,700
Lợi nhuận sau thuế năm 2008						(15,576,211,577)	(15,576,211,577)
Trích lập quỹ			795,981,086	1,193,971,629	530,654,057	(2,520,606,772)	-
Trích lập quỹ khen thưởng						(132,663,227)	(132,663,227)
Số dư cuối năm trước	80,000,000,000	61,474,996,700	795,981,086	1,193,971,629	530,654,057	(5,976,211,576)	138,019,391,896
Số dư đầu năm nay							
Lợi nhuận sau thuế 2009						9,454,572,777	9,454,572,777
Số dư cuối kỳ	80,000,000,000	61,474,996,700	795,981,086	1,193,971,629	530,654,057	3,478,361,201	147,473,964,673